

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày: 03-02-2021

“V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tư;

2. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 01 và ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2020/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị T: anh Nguyễn Quyết Q, sinh năm 1990. Địa chỉ: phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 03/8/2020). Có mặt.

- Bị đơn:

1. Chị Phạm Ánh T1, sinh năm 1982. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1977. Vắng mặt ngày 08-01-2021, có mặt ngày 03-02-2021.

Cùng địa chỉ: đường Đ, phường 8, Tp. V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2020 cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T do anh Nguyễn Quyết Q là người đại diện hợp pháp trình bày:

Do quen biết và tin tưởng nhau nên chị T cho chị Phạm Ánh T1 và anh Nguyễn Thanh T2 vay tiền nhiều lần mục đích để trả nợ ngân hàng, tiêu xài, chị T1 và anh T2 là vợ chồng hợp pháp. Việc cho vay không làm biên nhận, tính đến nay chị T1 và anh T2 còn nợ chị T số tiền 100.000.000đ.

Chị T giao tiền trực tiếp cho chị T1 nhận. Anh T2 biết chị T cho chị T1 vay tiền nhưng không phản đối vì là chỗ quen biết nên chị T chỉ thông báo miệng với anh T2 chứ không có giấy tờ chứng minh, anh T2 không đến gặp chị T để hỏi mượn tiền. Khi chị T1 không có tiền trả thì chị T có đến gặp trực tiếp anh T2 để yêu cầu trả nợ thì anh T2 hứa trả nhưng không trả.

Nay nguyên đơn yêu cầu chị T1 và anh T2 phải liên đới trả nguyên đơn số tiền 100.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/11/2020, Biên bản hòa giải ngày 25/11/2020 cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, bị đơn Phạm Ánh T1 trình bày:

Chị có vay của nguyên đơn ba lần tổng cộng số tiền 100.000.000đ như đơn khởi kiện của nguyên đơn, lãi suất 15%/tháng, vay không làm biên nhận, không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh, không nhớ ngày tháng vay tiền, chỉ nhớ vay của chị T vào năm 2020, khi vay chị đã đóng lãi được 1 lần với số tiền là 4 triệu đồng thì ngưng đến nay không đóng lãi cũng chưa trả nợ gốc, việc đóng lãi cũng không có biên nhận. Đóng lãi bằng hình thức sau: chị đưa thẻ tín dụng của chị cho chị T giữ đến khi có lương chị báo cho chị T hay và cung cấp mật khẩu tài khoản của chị cho chị T để chị T rút tiền trong thẻ của chị để trả lãi cho chị T với số tiền 4 triệu đồng. Rút tiền xong chị T trả thẻ tín dụng lại cho chị. Nay chị T1 thống nhất còn nợ chị T 100.000.000đ.

Việc chị vay tiền của chị T chồng chị là anh T2 hoàn toàn không biết, chị vay tiền để làm ăn và cho vay lại, nhưng mục đích chủ yếu là làm ăn, chứ hoàn toàn không sử dụng để phục vụ nhu cầu cuộc sống của gia đình. Hiện nay chị không có việc làm, sống phụ thuộc vào gia đình.

Chị đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Còn việc nguyên đơn yêu cầu anh Nguyễn Thanh T2 liên đới cùng chị trả tiền vay thì chị không đồng ý vì anh T2 không có vay tiền của chị T.

Tại bản tường trình ngày 09/11/2020, Bị đơn Nguyễn Thanh T2 trình bày: anh và vợ là chị T1 đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 đến nay. Đến năm 2019,

vợ chồng đã sống ly thân, chị T1 về nhà mẹ ruột sinh sống còn anh T2 thì nuôi hai con tiếp tục đi học. Từ khi sống ly thân anh hoàn toàn không liên quan đến những giao dịch dân sự của chị T1. Toàn bộ những chi phí sinh hoạt gia đình được trích từ tiền lương của anh, không liên quan đến tiền của chị T1. Trong thời gian này gia đình anh cũng không mua sắm tài sản gì.

Đến khoản giữa năm 2020, chị T điện thoại và trực tiếp gặp anh nói về khoản vay của chị T1 anh mới biết việc chị T cho chị T1 vay tiền, anh không có liên quan đến số tiền vay này, không biết chị T1 vay bao nhiêu, vay lúc nào nên không đồng ý liên đới cùng chị T1 trả tiền cho chị T.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Nguyễn Quyết Q là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu anh T2 và chị T1 liên đới trả nguyên đơn 100.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Chị Phạm Ánh T1 trình bày: chị vay tiền của chị T lúc chị đi làm tại Văn phòng Đoàn Đại Biểu Quốc Hội tỉnh Vĩnh Long, chồng chị là anh T2 làm ở Văn phòng **Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long**. Mục đích chị vay tiền của nguyên đơn để làm vốn làm ăn như: kinh doanh quán cà phê tại cơ quan nơi chị và anh T2 làm việc, buôn bán khô, bưởi và trả nợ tiền vay của quỹ Cep,... Chị thừa nhận có nợ chị T 100.000.000đ, đồng ý trả nhưng không đồng ý chị T yêu cầu anh T2 liên đới cùng chị trả số tiền trên. Vì tiền là do cá nhân chị vay, anh T2 không liên quan.

Anh Nguyễn Thanh T2 trình bày: anh không đồng ý liên đới cùng chị T1 trả chị T số nợ 100.000.000đ vì từ tháng 3/2019 anh và chị T1 đã sống ly thân, chị T1 về nhà mẹ ruột chị sống tại Bình Minh nên anh không biết và không sử dụng số tiền chị T1 vay của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh T2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên xử vắng mặt anh T2 theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 03/02/2020, anh T2 có mặt.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 465, 466, Nghị quyết 326 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Phạm Ánh T1 trả chị Nguyễn Thị Kim T số tiền vay 100.000.000đ. Không chấp nhận yêu cầu của chị T yêu cầu anh Nguyễn Thanh T2 cùng liên đới

với chị T1 trả nguyên đơn số tiền 100.000.000đ. Chị T1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu chị Phạm Ánh T1 và anh Nguyễn Thanh T2 liên đới trả nguyên đơn số tiền vay 100.000.000đ, được xác định là vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Đối với bị đơn Nguyễn Thanh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần: phiên tòa lần 01 vào ngày 21/12/2020 (chị T1 đã nhận được giấy triệu tập vào ngày 25/11/2020, đồng thời chị T1 cũng nhận thay anh T2 giấy triệu tập và cam kết giao lại tận tay anh T2) nhưng chị T1 và anh T2 không đến dự phiên tòa lần thứ nhất, nên hoãn phiên tòa. Đến ngày 08/01/2021, mở phiên tòa lần hai (anh T2 đã trực tiếp nhận được giấy triệu tập vào ngày 22/12/2020 đồng thời anh T2 nhận thay chị T1 và cam kết giao lại tận tay chị T1) nhưng anh T2 vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt anh T2 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tạm ngừng phiên tòa vào ngày 08/01/2021 và thông báo phiên tòa tiếp tục vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 03/02/2021, tại phiên tòa ngày 03/02/2021 anh T2 có mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/11/2020, biên bản hòa giải ngày 25/12/2020 và tại phiên tòa bị đơn Phạm Ánh T1 đều thừa nhận có vay của nguyên đơn 100.000.000đ, chị T1 đồng ý trả nguyên đơn số tiền này, nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu này.

[2.2] Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thanh T2 phải liên đới cùng chị T1 trả nguyên đơn số tiền như nêu trên, xét thấy:

Chị T1 và anh T2 là vợ chồng hợp pháp từ năm 2006 đến nay. Mặc dù anh T2 không đến gặp chị T1 hỏi mượn số tiền này, nhưng tại phiên tòa, chị T1 trình

bày: chị vay tiền của nguyên đơn để trả nợ vay của quỹ CEP 30.000.000đ, số tiền còn lại chị dùng làm vốn kinh doanh khô, bưởi, buôn bán cà phê nơi chị và chồng là anh T2 làm việc;

Khi chị không có khả năng trả nợ, chị T đến gặp anh T2 đòi nợ thì anh T2 cũng đồng ý cùng chị T1 trả nợ cho chị T. Nay anh T2 không đồng ý trả nữa là do anh T2 phải nuôi hai đứa con, không có khả năng trả nợ cùng chị. Xét thấy, chị T1 vay nợ chị T anh T2 biết, chị T1 làm ăn buôn bán tại cơ quan anh T2 cũng biết.

Ngoài ra, Tại biên bản hòa giải ngày 25/11/2020, chị T1 khai có mua chiếc xe trả góp hiệu Vison với giá hơn 30.000.000đ, mua hơn 01 năm nghĩa là mua xe vào năm 2019, chị T1 sử dụng tiền từ số tiền vay của chị T. Xét thấy, xe là phương tiện cần thiết không thể thiếu trong sinh hoạt gia đình. Chị T1 trình bày tiền buôn bán cà phê, khô, bưởi chị sử dụng để đi chợ mua đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, trả nợ ngân hàng và sử dụng việc khác như cho vay, cho mượn,.....đây là những sinh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của cuộc sống hằng ngày trong một gia đình, cho dù chị T1 một mình đứng ra vay tiền của chị T thì anh T2 là chồng của chị T1 phải có trách nhiệm cùng chị T1 trả chị T số nợ trên là phù hợp theo quy định tại Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị T.

Tòa án đã ban hành Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ ngày 08/01/2021, tổng đạt trực tiếp cho anh T2 và chị T1 nhận, đã hết thời hạn mà anh chị không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ.

Như phân tích trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là chưa đủ căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Phạm Ánh T1 và anh Nguyễn Thanh T2 phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm 5.000.000đ. (cách tính $100.000.000đ \times 5\% = 5.000.000đ$).

Chị Nguyễn Thị Kim T không phải chịu án phí sơ thẩm nên hoàn trả chị T số tiền nộp tạm ứng án phí là 2.500.000đ theo biên lai thu số 0005626 ngày 19/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 351, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T.

Buộc chị Phạm Ánh T1 và anh Nguyễn Thanh T2 phải liên đới trả chị Nguyễn Thị Kim T số tiền vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/02/2021) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Phạm Ánh T1 và anh Nguyễn Thanh T2 phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Hoàn trả chị Nguyễn Thị Kim T số tiền nộp tạm ứng án phí là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005626 ngày 19/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, TA.

Đặng Thị Mỹ Thuận

